

**Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư
Chứng khoán I.P.A**

Báo cáo tài chính Quý 4 cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016



CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56,347,969,328	64,124,866,233
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	20,145,731,995	22,259,833,713
1. Tiền	111		8,145,731,995	2,259,833,713
2. Các khoản tương đương tiền	112		12,000,000,000	20,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	34,628,987,086	40,096,958,638
1. Chứng khoán kinh doanh	121		34,628,987,086	43,121,138,638
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		-	(3,024,180,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,453,673,872	1,648,315,412
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1,382,534,984	1,564,537,634
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135		71,138,888	83,777,778
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		119,576,375	119,758,470
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	104,400,146	109,758,470
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5,176,229	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		10,000,000	10,000,000

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		218,821,280	328,368,160
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	214		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	215		-	-
II. Tài sản cố định	220			
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
Nguyên giá	222		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		218,821,280	328,368,160
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	152,124,155	261,671,035
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		66,697,125	66,697,125
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		56,566,790,608	64,453,234,393

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		753,625,199	1,260,099,475
I. Nợ ngắn hạn	310		753,625,199	1,260,099,475
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312		-	1,833,150
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	9	80,796,701	650,621,097
5. Phải trả người lao động	315		550,000,000	500,000,000
6. Chi phí phải trả	316		60,000,000	88,000,000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	10	62,828,498	19,645,228
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	328		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả nội bộ dài hạn	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		-	-

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55,813,165,409	63,193,134,918
I. Vốn chủ sở hữu	410		55,813,165,409	63,193,134,918
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ hỗ trợ phòng tài chính	418		1,067,078,114	786,076,589
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,067,078,114	786,076,589
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3,679,009,181	11,620,981,740
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		56,566,790,608	64,453,234,393

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
1. Tài sản cố định thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
3. Tài sản nhận ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		750,000,000	1,616,000,000
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		25,893,410,000	29,393,410,000
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	17	4,955,815,364	18,367,176
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	17	182,572,839,800	261,422,220,000
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	17	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	17	146,329,084	236,037,634

Người lập biểu

Trần Thị Minh Phương

Kế toán trưởng

Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2017



Đỗ Thanh Hương

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

		Quý IV/2016		Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Quý IV/2016	Quý IV/2015	
1. Doanh thu	01	11	795,107,078	751,649,897	3,391,339,941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		795,107,078	751,649,897	3,391,339,941
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	12	761,319,426	903,388,497	2,008,920,041
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		33,787,652	(151,738,600)	1,382,419,900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	1,033,606,093	1,249,011,369	12,259,168,635
7. Chi phí tài chính	22	14	1,177,191,449	(67,002,374)	3,994,516,894
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	792,764,577	866,407,004	1,981,763,237
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(902,562,281)	297,868,139	7,665,308,404
10. Thu nhập khác	31		-	-	-
11. Chi phí khác	32		1,172,595	-	-
12. Lợi nhuận khác	40		(1,172,595)	-	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(903,734,876)	297,868,139	7,665,308,404
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	(190,212,456)	55,549,628	867,734,267
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(713,522,420)	242,318,511	6,797,574,137

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2017

CÔNG TY Giám đốc
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN
IPA

Trần Thị Minh Phương

Trần Thị Minh Phương

Đỗ Thanh Hương

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV/2016	Quý IV/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(903,734,876)	297,868,139
2. Điều chỉnh cho các khoản:		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	-	-
- Các khoản dự phòng	03	-	(342,694,516)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(61,614,181)	(949,082,293)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(965,349,057)	(993,908,670)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14,088,108,478	(4,313,075,693)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(42,632,455)	(12,970,696,534)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	131,510,087	55,703,695
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(150,000,000)	(250,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	573,025,001	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13,634,662,054	(18,471,977,202)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	194,305,563	949,082,293
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	194,305,563	949,082,293

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN IPA

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2016

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý IV/2016	Quý IV/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13,828,967,617	(17,522,894,909)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60 V.1	6,316,764,378	39,782,728,622
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70 V.1	20,145,731,995	22,259,833,713

Người lập biểu



Trần Thị Minh Phương

Kế toán trưởng



Trần Thị Minh Phương

Lập ngày 16 tháng 01 năm 2017

Giám đốc



Đỗ Thanh Hương

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B05-CTQ

	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	01/01/2015	01/01/2016	2015		2016		31/12/2015	31/12/2016
	VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	446.197.882	786.076.589	339.878.707		281.001.525		786.076.589	1.067.078.114
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	446.197.882	786.076.589	339.878.707		281.001.525		786.076.589	1.067.078.114
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.503.165.017	11.620.981.740	6.797.574.137	(679,757,414)	5.620.030.491	(13.562.003.050)	11,620,981,740	3.679.009.181
	56.395.560.781	63.193.134.918	7,477,331,551	(679,757,414)	6.182.033.541	(13.562.003.050)	63,193,134,918	55.813.165.409

Ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập



Bà Trần Thị Minh Phương
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt



Bà Đỗ Thanh Hương
Giám đốc

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A (“Công ty”) là công ty con 100% vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (“Công ty mẹ”), được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4 tháng 3 năm 2008.

Công ty mẹ, trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Giao nhận Hàng hóa VTS Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 042493 ngày 9 tháng 3 năm 1988 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy phép thành lập và hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

(c) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 14 nhân viên (31/12/2015: 13 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ (“Thông tư 125”) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng và có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(b) Đầu tư và dự phòng giảm giá đầu tư

(i) Đầu tư chứng khoán và dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

Phân loại

- Chứng khoán đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết, được phân loại là chứng khoán sẵn sàng để bán.
- Chứng khoán đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm chứng khoán phi phái sinh được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào, mà không phải là các chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Ghi nhận và dừng ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán và các khoản đầu tư khác vào ngày Công ty chính thức trở thành một bên theo các điều khoản hợp đồng có hiệu lực của các khoản đầu tư (hạch toán vào ngày giao dịch).

Các khoản đầu tư chứng khoán bị dừng ghi nhận khi quyền nhận được các luồng tiền từ các khoản đầu tư bị chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển đi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu.

Đo lường

Các khoản đầu tư chứng khoán được phản ánh theo nguyên giá (giá gốc) trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Nguyên giá của chứng khoán sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ tương ứng với chênh lệch giữa giá

gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 (“Thông tư 146”). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Đối với chứng khoán niêm yết, chứng khoán đăng ký giao dịch, giá chứng khoán để trích lập dự phòng là giá chứng khoán thực tế tại Sở Giao dịch chứng khoán của ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập, cụ thể:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

(d) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vòng 2 - 3 năm.

(e) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(f) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý và ngầm định mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(g) Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

(h) Các quỹ dự trữ pháp định

Theo Thông tư 146, lợi nhuận thực hiện của công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo Điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

Các quỹ dự trữ pháp định này không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(j) Doanh thu

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư bao gồm phí quản lý được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế và doanh thu có thể đo lường được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(k) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(l) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư 125 được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(m) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của nhà đầu tư này.



5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng	8.145.731.995	2.259.833.713
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	20.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.145.731.995	22.259.833.713

- (*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất cố định 5,2%/năm (lãi suất 31/12/2016 là 5%/năm)

6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Đầu tư ngắn hạn (i)		
- Cổ phiếu niêm yết	34.628.987.086	33.466.138.638
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	9.655.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	-	-
	34.628.987.086	43.121.138.638
Dự phòng giảm giá đầu tư (ii)	-	(3.024.180.000)
	34.628.987.086	40.096.958.638

- (i) Chi tiết các chứng khoán đầu tư ngắn hạn được nắm giữ bởi Công ty như sau:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu niêm yết	2.664.341	34.628.987.086	2.600.941	33.466.138.638
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	2.589.341	33.060.341.600	2.589.341	33.060.341.600
Công ty Cổ phần Trang			10.600	389.440.000
Công ty Cổ phần Phân lân Nung chảy Văn Điển			1.000	16.357.038
Công ty CP đầu tư thương mại SMC	75.000	1.568.645.486	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	500.000	9.655.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam			150.000	2.655.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định			350.000	7.000.000.000
		34.628.987.086		43.121.138.638

Trong đó cổ phiếu bị giảm giá:

	31/12/2016		31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Trang			10.600	389.440.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định			350.000	7.000.000.000
		-		7.389.440.000

(ii) Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Số dư đầu năm	-	(3.740.107.449)
Trích bổ sung		
Hoàn nhập dự phòng trong quý	-	715.927.449
Số dư cuối quý	-	(3.024.180.000)

7. Phải thu khách hàng

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu quản lý danh mục đầu tư	146.329.084	236.037.634
Phải thu tiền bán chứng khoán	1.236.205.900	1.328.500.000
	1.382.534.984	1.564.537.634

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Chi phí thuê văn phòng	78.837.174	78.837.174
Công cụ dụng cụ văn phòng	4.947.497	6.181.174
Chi phí Bảo hiểm	20.615.475	24.740.122
	104.400.146	109.758.470

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ văn phòng	261,671,035	13.197.800	(122.744.680)	152.124.155
Chi phí Bảo hiểm	261,671,035	13.197.800	(122.744.680)	152.124.155

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Thuế thu nhập cá nhân	79.865.507	108.177.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	931.194	542.443.248
	<u>80.796.701</u>	<u>650.621.097</u>

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Kinh phí công đoàn	31.895.446	16.255.446
Phải trả phải nộp khác	30.933.052	3.389.782
	<u>62.828.498</u>	<u>19.645.228</u>

11. Doanh thu

Là doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư

12. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí nhân viên

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Lãi kinh doanh chứng khoán	826.186.349	834.876.655
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	13.114.181	24.236.934
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	145.805.563	369.777.780
Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.500.000	20.120.000
	<u>1.033.606.093</u>	<u>1.249.011.369</u>

14. Chi phí tài chính

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(342.694.516)
Lỗ hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.070.701.310	178.090.047
Phí mua bán chứng khoán	106.490.139	97.602.095
	<u>1.177.191.449</u>	<u>(67.002.374)</u>

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	547,076,474	571,908,224
Chi phí đồ dùng văn phòng	18,486,738	16,791,196
Chi phí dịch vụ mua ngoài		3,631,561
Chi phí bằng tiền khác	227,201,365	274,076,023
	792,764,577	866,407,004

16. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm báo cáo hiện tại	(190.212.456)	55.549.628

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Lợi nhuận trước thuế	(903.734.876)	297.868.139
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	20%
Thu nhập không bị tính thuế (*)	(48.500.000)	(20.120.000)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.172.595	
Lỗ tính thuế được sử dụng		
	(190.212.456)	55.549.628

(*) Bao gồm các khoản cổ tức và lợi nhuận được chia với tổng giá trị quý 4/2016 là 48.500.000 VND và quý 4/2015 là 20.120.000 VND theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 133).

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 của Bộ Tài chính, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất bằng 20% lợi nhuận chịu thuế do tổng doanh thu năm trước liền kề không vượt quá 20 tỷ VND (2014: 20%). Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

17. Báo cáo về hoạt động quản lý quỹ và danh mục đầu tư chứng khoán

Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đang quản lý các danh mục đầu tư chứng khoán của 2 nhà đầu tư ủy thác (31/12/2015: 2 nhà đầu tư ủy thác). Theo các hợp đồng quản lý danh mục đầu tư, nhà đầu tư ủy thác cam kết chấp nhận rủi ro đối với vốn ủy thác và chấp nhận rủi ro có khả năng phát sinh trong quá trình thực hiện đầu tư.

(i) Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty cổ phần Bảo hiểm bưu điện	4.955.815.364	18.367.176
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	-	-
	<u>4.955.815.364</u>	<u>18.367.176</u>

(ii) Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
<i>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	182.572.839.800	261.422.220.000
- Cổ phiếu niêm yết	6.831.609.800	-
<i>Trong đó: Cổ phiếu bị giảm giá</i>	5,786,195,100	-
SDI	611,912,000	
VGG	5,174,283,100	
- Cổ phiếu không niêm yết	175.741.230.000	261.422.220.000
	<u>182.572.839.800</u>	<u>261.422.220.000</u>

(iii) Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu tiền bán chứng khoán	-	-

(iv) Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	146.329.084	236,037,634

17. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Số dư tại ngày	
	31/12/2016 VND	31/12/2015 VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA (Công ty mẹ)		
Vốn góp	50,000,000,000	50,000,000,000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (Công ty liên kết của Công ty mẹ)		
Tài khoản giao dịch chứng khoán	19.419.560.637	21.716.549.580
Dự thu lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	22.638.888	83777.778
Phải thu phí quản lý danh mục đầu tư	146.329.084	217.670.458
Danh mục đầu tư ủy thác	175.741.230.000	261.422.220.000

	Giá trị giao dịch	
	Quý 4/2016 VND	Quý 4/2015 VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect (Công ty liên kết của Công ty mẹ)		
Phí quản lý danh mục đầu tư	438.987.252	684.692.948
Lãi tài khoản giao dịch chứng khoán	158.334.961	768.567.362
Phí giao dịch và phí lưu ký	106.468.139	97.602.095

Ngày 16 tháng 01 năm 2017

Người lập



Bà Trần Thị Minh Phương
Trưởng phòng Kế toán

Người duyệt



Bà Đỗ Thanh Hương
Giám đốc